

KẾT LUẬN

Về việc thanh tra chuyên ngành Trường Mầm non Yên Hoà, huyện Yên Mô

Thực hiện Quyết định số 83/QĐ-TTr ngày 10/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tỉnh Ninh Bình về việc thanh tra chuyên ngành Trường Mầm non Yên Hoà, huyện Yên Mô, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Mầm non Yên Hoà từ ngày 25/10/2024.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 14/11/2024 của Trường đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Mầm non Yên Hoà (tiền thân là Trường Mầm non bán công Yên Hoà) được thành lập tháng 10/1997; tháng 01/2011, Trường được chuyển đổi từ loại hình trường mầm non (MN) bán công sang trường MN công lập theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 20/01/2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Yên Mô. Trường có 03 điểm trường: Điểm trường chính đặt tại thôn Trinh Nữ 3, 02 điểm trường lẻ đặt tại thôn Đông Trại và thôn Liên Trì 1. Trải qua hơn 27 năm xây dựng và phát triển, Trường được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Phòng GD&ĐT huyện Yên Mô và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh, nhân dân địa phương, cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ngày một nâng cao.

Tháng 09/2015, Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; tháng 7/2023 tiếp tục được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Trường được tặng bằng khen, giấy khen của các cấp.

Năm học 2024-2025, Trường có 21 nhóm, lớp với 458 trẻ; có tổng số 61 cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

Các năm học (trong thời kỳ thanh tra), Trường đã ban hành các văn bản quản lý đúng thẩm quyền để triển khai thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (NDCSGD) của đơn vị (kế hoạch, quyết định, quy chế, quy định, công văn, tờ trình, báo cáo); các văn bản ban hành kịp thời và triển khai thực hiện nghiêm túc¹. Trường có sổ theo dõi văn bản đến, văn bản đi; văn bản được cập nhật thường xuyên, lưu trữ, quản lý đảm bảo theo quy định; đã thực hiện chuyển và nhận văn bản trên hệ thống ioffice.

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến tới CBGVNV và cha mẹ trẻ; hình thức tuyên truyền khá đa dạng (thông qua các buổi họp, hội nghị của nhà trường, sinh hoạt chi bộ; đăng tải trên website, nhóm zalo của đơn vị) góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của CBGVNV và cha mẹ trẻ.

¹ Năm 2022, Trường đã ban hành 179 văn bản; năm 2023: 234 văn bản; năm 2024, tính đến ngày 24/10: 200 văn bản.

Trong thời kỳ thanh tra, Trường có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường MN. Tại thời điểm thanh tra, Chi bộ Đảng có 53 đảng viên chính thức; Công đoàn trường có 58 công đoàn viên; Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 21 đoàn viên; Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 có 09 thành viên; Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học. Các tổ chức, đoàn thể, các hội đồng trong nhà trường có cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định, đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ trường học và quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Cán bộ quản lý: 03 người (Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng), đều có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn; tham gia sinh hoạt cùng các tổ và thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định.

Trường có 02 tổ chuyên môn (tổ Nhà trẻ, tổ Mẫu giáo) và tổ Văn phòng. Tại thời điểm thanh tra, tổ Nhà trẻ có 22 người (14 giáo viên, 8 nhân viên; bình quân 2,03 giáo viên/nhóm), tổ Mẫu giáo có 31 người (bình quân 2,06 giáo viên/lớp), tổ Văn phòng có 08 người. Các tổ chuyên môn có tổ trưởng, tổ phó; tổ Văn phòng có tổ trưởng. Các tổ đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và tổ chức sinh hoạt định kỳ theo quy định, sinh hoạt đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Giáo viên: Tại thời điểm thanh tra, Trường có 45 giáo viên, 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên (trong đó 44 giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đạt 97,8%). Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em theo quy định tại Điều lệ trường MN và các quy định của ngành.

Nhân viên: Tại thời điểm thanh tra, Trường có 13 nhân viên (01 biên chế: Kế toán có trình độ đại học; 12 hợp đồng trường: 09 nhân viên nấu ăn đều có bằng Trung cấp nghề đào tạo kỹ thuật chế biến món ăn và 03 nhân viên bảo vệ). Nhân viên thực hiện nhiệm vụ được giao theo phân công của Hiệu trưởng và kế hoạch của nhà trường, đảm bảo tiêu chuẩn nghề nghiệp của vị trí việc làm.

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: các năm học, Trường tiếp nhận trẻ từ 12 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi, bố trí trẻ học ở các nhóm, lớp theo độ tuổi. Hiện tại số trẻ/nhóm, lớp cơ bản đảm bảo theo quy định; trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ.

Năm học 2022-2023, 2023-2024, nhà trường thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT: Đã xây dựng kế hoạch thực hiện công khai theo năm học; ban hành quy chế thực hiện công khai; xây dựng báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai cơ bản đảm bảo theo quy định. Tổ chức thực hiện công khai các nội dung theo các biểu mẫu 1, 2, 3, 4 và công khai tài chính. Hình thức công khai: niêm yết tại bảng tin (ít nhất 30 ngày liên tục); thông báo tại cuộc họp CBGVNV và phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ; đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Thời điểm công khai: tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi. Năm học 2024-2025, nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Kế hoạch số 23/KH-TrMN ngày 26/9/2024).

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, ban hành quy chế kiểm tra², tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đã xây dựng. Nội dung kiểm tra tập trung vào công tác chỉ đạo chuyên môn; thực hiện chương trình giáo dục mầm non; hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; công tác vệ sinh, tổ chức ăn cho trẻ, chế biến thức ăn.

Đã thực hiện kiểm tra 17 cuộc (năm học 2022-2023: 8 cuộc; năm học 2023-2024: 08 cuộc; năm học 2024-2025: 01 cuộc). Hồ sơ lưu trữ theo năm học, khá đầy đủ (quyết định, kế hoạch tiến hành kiểm tra, biên bản, báo cáo, thông báo kết quả kiểm tra).

Tồn tại, nhược điểm:

Một số văn bản ban hành chưa đảm bảo thể thức, nội dung, tính pháp lý theo quy định (một số quyết định, kế hoạch thiếu căn cứ và có căn cứ chưa phù hợp; Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho CBGVNV, trẻ em chưa cụ thể về nội dung, thời gian, đối tượng phổ biến và người thực hiện). Một số nội dung công khai trên trang thông tin điện tử chưa kịp thời.

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường chưa thể hiện rõ nội dung, nhiệm vụ, quyền hạn (việc quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ). Một số cuộc kiểm tra chưa thực hiện theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra.

II. Thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục; công tác xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích

1. Thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục

Các năm học (trong thời kỳ thanh tra), nhà trường tiếp nhận, triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về quy chế chuyên môn, nội dung, phương pháp giáo dục. Đã xây dựng kế hoạch NDCSGD trẻ, kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm gắn với việc xây dựng bếp ăn an toàn, hiện đại giai đoạn 2021-2025”, kế hoạch tổ chức trải nghiệm và một số kế hoạch tổ chức các chuyên đề khác được lồng ghép vào kế hoạch giáo dục của nhà trường³. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Từng năm học chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, trong đó tập trung vào đổi mới nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ, tăng cường tổ chức thảo luận về các chuyên đề theo hướng dẫn của các cấp: xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, tôi yêu Việt Nam, giáo dục bảo vệ môi trường, tổ chức các hoạt động khám phá cho trẻ. Hồ sơ, sổ sách chuyên môn được bảo quản, lưu trữ khá đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường học. Cán bộ quản lý, giáo viên đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, soạn giáo án, giảng dạy trên lớp.

² Quyết định số 52/QĐ-TrMN ngày 04/10/2022 về việc thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường học năm học 2022-2023; Quyết định số 59/QĐ-TrMN ngày 02/10/2023 về việc thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường học năm học 2023-2024; Quyết định số 54/QĐ-TrMN ngày 02/10/2024 về việc thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường học năm học 2024-2025. Kế hoạch số 43/KH-TrMN ngày 12/10/2022 về việc công tác kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 28/KH-TrMN ngày 03/10/2023 về việc công tác kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024; Kế hoạch số 27/KH-TrMN ngày 03/10/2024 về việc công tác kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025. Quyết định số 53/QĐ-TrMN ngày 12/10/2022 ban hành Quy chế kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Quyết định số 60/QĐ-TrMN ngày 02/10/2023 ban hành Quy chế kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024; Quyết định số 56/QĐ-TrMN ngày 02/10/2024 ban hành Quy chế kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025. Báo cáo số 17/BC-TrMN ngày 16/5/2023 về công tác kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023; Báo cáo số 18/BC-TrMN ngày 16/5/2024 về công tác kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024.

³ Kế hoạch số 30/KH-TrMN ngày 06/9/2022 về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 13/KH-TrMN ngày 10/9/2023 về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2023-2024; Kế hoạch số 16/KH-TrMN ngày 12/8/2024 về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2024-2025. Kế hoạch số 24/KH-TrMN ngày 24/8/2022 về việc thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm gắn với việc xây dựng bếp ăn an toàn, hiện đại giai đoạn 2021-2025”.

Nhà trường có 03 bếp ăn tại 03 điểm trường, đảm bảo diện tích, có đủ thiết bị, đồ dùng, vận hành theo quy trình bếp một chiều. Khu vực bếp sạch sẽ, lưu mẫu thức ăn đầy đủ, sắp xếp gọn gàng. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn: có hợp đồng với các đơn vị cung cấp thực phẩm, nước sạch; phân công cán bộ phụ trách thường xuyên kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ nguồn thực phẩm và bữa ăn của trẻ; thực hiện kiểm thực 03 bước, công khai chế độ ăn trong ngày của trẻ. Thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ; tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ để duy trì tỷ lệ trẻ ăn bán trú và chất lượng bữa ăn của trẻ.

Trong thời kỳ thanh tra, có 95,6% trẻ ăn bán trú tại trường; 100% trẻ có đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng, được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Cuối các năm học tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi và trẻ thừa cân, béo phì giảm so với đầu năm học⁴.

Trường đã thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN có hiệu quả: tạo môi trường an toàn cho trẻ hoạt động (tận dụng không gian, thiết kế môi trường trong lớp và ngoài trời cho trẻ vui chơi, trải nghiệm); phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong việc NDCSGD trẻ; đổi mới phương pháp giáo dục, tăng cường khuyến khích trẻ chủ động, sáng tạo trong các hoạt động; xây dựng và khai thác hiệu quả môi trường hiện có để dạy trẻ; đẩy mạnh việc tổ chức các chuyên đề và lồng ghép các nội dung giáo dục vào chương trình NDCSGD trẻ⁵.

Đa số trẻ phát triển khỏe mạnh, tích cực, hứng thú với các hoạt động giáo dục; mạnh dạn, tự tin thực hiện các kỹ năng vận động; biết phối hợp các giác quan tham gia tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN trong các năm học đạt 100%.

Tồn tại, nhược điểm:

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú; chưa chú trọng việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong tổ. Giáo viên tham gia đánh giá trẻ cuối ngày còn chung chung, chưa cụ thể. Việc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời còn ít.

2. Thực hiện quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo hành trẻ

Trong thời kỳ thanh tra, nhà trường đã chỉ đạo, thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích (ATPCTNTT) theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Hằng năm, tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí; xây dựng kế hoạch an toàn trường học, các phương án phòng chống đuối nước, cháy nổ; xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường; thực hiện đánh giá kết quả xây dựng trường học ATPCTNTT theo tiêu chuẩn quy định; thực hiện chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ em”.

⁴ Hàng năm tỷ lệ suy dinh dưỡng nhà trẻ thể nhẹ cân giảm từ 0,4-0,9% và thấp còi giảm từ 1,7-3,0% so với đầu năm học; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng mẫu giáo thể nhẹ cân giảm từ 1,5-2,0% và thấp còi giảm từ 1,4-2,1% so với đầu năm học; trẻ thừa cân, béo phì giảm 0,2-0,6% so với đầu năm học.

⁵ Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025; chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ MN”; lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường, thích ứng với môi trường và biến đổi khí hậu, bảo vệ an toàn bản thân.

Trong thời kỳ thanh tra, trẻ em trong nhà trường được đối xử công bằng, nhân ái; không bị bạo hành, xâm hại; môi trường không có các nguy cơ gây tai nạn thương tích và ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, sức khỏe trẻ.

Tồn tại, nhược điểm:

Một số tiêu chí về an toàn trường học chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT: lan can, hiên chơi khu Liên Trì thiết kế các thanh ngang không an toàn cho trẻ (tiêu chí 16); chưa có thiết bị vệ sinh dành cho trẻ khuyết tật (tiêu chí 21).

III. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị chuyên dùng

Đơn vị có 03 điểm trường với tổng diện tích đất đang sử dụng là 10.221,8 m², bình quân 22,3 m²/trẻ (điểm trường Trung tâm có diện tích 6.649 m², bình quân 41,3 m²/trẻ; điểm trường khu Trung Hoà có diện tích 1.415,8 m², bình quân 7,29 m²/trẻ; điểm trường khu Liên Trì có diện tích 2.147 m², bình quân 21 m²/trẻ). Điểm trường khu Trung Hoà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy và học, cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, quy định của Điều lệ trường MN và các văn bản hiện hành về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cấp học: khối phòng hành chính quản trị có phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng dành cho nhân viên, 01 phòng hành chính quản trị, 03 phòng bảo vệ/03 điểm trường, 04 khu vệ sinh dành cho CBGVNV; 03 khu để xe của CBGVNV; khối phòng NDCSGD trẻ em có 18 phòng/21 nhóm, lớp (các phòng đều kiên cố; các nhóm, lớp có sân chơi riêng), 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện; khối phòng tổ chức ăn có 03 nhà bếp độc lập (được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền 01 chiều, có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn), 02 kho bếp; khối phụ trợ có 01 phòng họp, 01 phòng Y tế, 01 nhà kho, cả 03 điểm trường đều có cổng, biển trường, tường bao xung quanh khuôn viên trường; hạ tầng kỹ thuật có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy và tiêu lệnh chữa cháy, mạng internet. Nhà trường hiện có 2.255 thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo quy định.

Tồn tại, nhược điểm:

Một số hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường chưa đảm bảo theo quy định: Thiếu 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng đa năng, 01 văn phòng; thiếu 492 thiết bị, đồ dùng, học liệu. Điểm trường khu Trung Hoà thiếu 03 phòng NDCSGD (hiện nhà trường phải bố trí 03 phòng học cho 06 nhóm, lớp: 01 phòng cho lớp 3 tuổi B và 4 tuổi B; 01 phòng cho lớp 3 tuổi A và 2 tuổi A; 01 phòng cho nhóm 1 tuổi B và 2 tuổi B); thiếu 01 kho bếp. Điểm trường trung tâm (khu Trinh Nữ) và khu Liên Trì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điểm trường khu Trung Hoà và khu Liên Trì chưa có nhà kho và khu thu gom rác thải độc lập.

Một số hạng mục đã xuống cấp: nền nhà phòng họp bị phòng rộp; điểm trường khu Liên Trì tường nhà bếp, nhà vệ sinh của một số nhóm, lớp thấm nước.

2. Công tác quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu

Nhà trường tích cực tham mưu các cấp có thẩm quyền, huy động các nguồn lực tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các điểm trường, tôn tạo cảnh quan trường học.



Kinh phí đầu tư mua sắm đồ dùng, học liệu năm học 2022-2023: 822.329.280 đồng; năm học 2023-2024: 729.983.725 đồng; năm học 2024-2025, đến thời điểm thanh tra: 48.800.000 đồng.

Đồ chơi tự làm: Giáo viên tận dụng nguyên liệu, vật liệu thiên nhiên sẵn có tại địa phương để làm những bộ đồ chơi mang tính mở, kích thích nhu cầu, hứng thú và tham gia hoạt động của trẻ, đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ. Số bộ đồ chơi tự làm trong thời kỳ thanh tra: năm học 2022-2023: 207 bộ; năm học 2023-2024: 250 bộ; năm học 2024-2025, đến thời điểm thanh tra: 90 bộ.

Hàng năm, nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công⁶; thành lập Ban kiểm kê tài sản, thiết bị, đồ dùng; xây dựng kế hoạch mua sắm, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bổ sung, thay thế cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi⁷; lập sổ theo dõi tài sản nhà trường, sổ theo dõi tài sản các nhóm, lớp. Các hợp đồng, biên bản tiếp nhận, bàn giao, kiểm kê, thanh lý, huỷ tài sản khá đầy đủ. Đồ dùng, đồ chơi ở các nhóm, lớp, nhà bếp được phân loại, sắp xếp khá khoa học, dễ tìm, dễ lấy, đảm bảo an toàn.

Nhà trường tổ chức lựa chọn, khai thác, sử dụng đồ chơi, học liệu cơ bản đảm bảo quy trình quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT: căn cứ vào yêu cầu, nguyên tắc lựa chọn đồ chơi, học liệu; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thực hiện chủ đề, chuyên đề do Bộ GDĐT quy định và thực tiễn các hoạt động NDCSGD trẻ em, nhà trường tiến hành rà soát, phân loại đồ chơi, học liệu hiện có; Hiệu trưởng thành lập Hội đồng lựa chọn đồ chơi, học liệu; hội đồng tổ chức họp, thảo luận, đánh giá và đề xuất Hiệu trưởng phê duyệt danh mục đồ chơi, học liệu sử dụng trong năm học; Hiệu trưởng ban hành quyết định phê duyệt và thông báo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh biết về danh mục và số lượng đồ chơi, học liệu. Cán bộ quản lý, giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả đồ chơi, học liệu được lựa chọn trong tổ chức hoạt động NDCSGD trẻ.

Tồn tại, nhược điểm:

Sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ nhà trường năm học 2022-2023, 2023-2024 sắp xếp thông tin chưa đầy đủ, chưa khoa học; nội dung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công chưa chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

IV. Thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác; công tác xã hội hoá giáo dục

1. Thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác

Thực hiện thu, quản lý, sử dụng học phí theo quy định. Mức thu các năm học: nhà trẻ 85.000 đồng/trẻ/tháng, mẫu giáo 73.000 đồng/trẻ/tháng; học phí thu được đã thực hiện nộp qua kho bạc nhà nước đầy đủ, trích 40% nguồn thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ, 60% chi hoạt động chuyên môn; khi thu có sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Bộ Tài Chính. Chứng từ thu, chi về cơ bản đảm bảo đủ theo quy định.

⁶ Quyết định số 01/QĐ-TrMN ngày 06/01/2022; Quyết định số 01/QĐ-TrMN ngày 02/01/2023; Quyết định số 03/QĐ-TrMN ngày 03/01/2024.

⁷ Kế hoạch số 21/KH-TrMN ngày 29/8/2022; Kế hoạch số 12/KH-TrMN ngày 07/8/2023; Kế hoạch số 29/KH-TrMN ngày 29/8/2024.

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: nhà trường căn cứ các văn bản quy định, hướng dẫn của các cấp để triển khai thực hiện các khoản thu⁸. Mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục đúng quy định tại Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình; các khoản thu đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, có đầy đủ hồ sơ sổ sách tài chính theo quy định⁹. Thực hiện công khai các khoản thu với cha mẹ trẻ tại Hội nghị cha mẹ trẻ.

Các khoản thu khác: tiền Bảo hiểm thân thể thực hiện việc thu, nộp theo quy định của hợp đồng đã ký kết giữa nhà trường và công ty bảo hiểm. Mức thu các năm học: 200.000đ/trẻ/năm; năm học 2022-2023 có 517 trẻ tham gia, năm học 2023-2024 có 470 trẻ tham gia, năm học 2024-2025 có 455 trẻ tham gia. Số tiền thu được đã nộp về công ty bảo hiểm.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em (BĐDCMTE): kinh phí hoạt động của BĐDCMTE trường được trích từ kinh phí hoạt động của BĐDCMTE các lớp theo nghị quyết họp cha mẹ trẻ các lớp phiên đầu năm học; chứng từ thu, chi được theo dõi trong sổ sách kế toán, nội dung chi được thống nhất tại quy chế hoạt động của BĐDCMTE các năm học. Năm học 2022-2023, tổng kinh phí là 17.160.000 đồng, năm học 2023-2024, tổng kinh phí là 15.162.000 đồng (đã chi hết trong năm học); năm học 2024-2025, BĐDCMTE các lớp đang tiến hành vận động ủng hộ kinh phí.

Tồn tại, nhược điểm:

Một số chứng từ còn thiếu thủ tục hành chính (Hợp đồng thuê trang phục tổng kết năm học 2023-2024 thiếu số hợp đồng; quyết định khen thưởng bé chăm ngoan cuối năm học 2023-2024 thiếu số quyết định); chưa thiết lập sổ theo dõi danh sách giáo viên, cha mẹ trẻ ký nhận tiền thanh toán quyền lợi bảo hiểm.

Chứng từ thu, chi các năm sắp xếp chưa khoa học; kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi phân dự toán chưa cụ thể, chưa chi tiết.

2. Công tác xã hội hóa giáo dục

Trong thời kỳ thanh tra, nhà trường thường xuyên tuyên truyền đến CBGVNV, cha mẹ trẻ và nhân dân địa phương về các chủ trương, chính sách quy định của giáo dục mầm non; tuyên truyền các biện pháp, hoạt động NDCSGD trẻ.

Làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn để tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường và thực hiện nhiệm vụ NDCSGD trẻ.

Bám sát các quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Công văn số 1405/SGDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở

⁸ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Công văn số 1248/SGDĐT-KHTC ngày 09/9/2022 của Sở GDĐT hướng dẫn các khoản thu, chi trong trường học năm 2022-2023; Công văn số 1297/SGDĐT-KHTC ngày 06/9/2023 của Sở GDĐT hướng dẫn các khoản thu, chi trong trường học năm 2023-2024; Công văn số 1362/SGDĐT-KHTC ngày 30/8/2024 của Sở GDĐT hướng dẫn các khoản thu, chi trong trường học năm 2024-2025.

⁹ Năm học 2022-2023: Tiền ăn bán trú (20.000đ/trẻ/ngày); tiền thuê nhân viên nấu ăn (70.000đ/trẻ/tháng); tiền đồ dùng cá nhân và đồ dùng nuôi dưỡng (năm đầu: 300.000đ/trẻ/năm; năm sau: 100.000đ/trẻ/năm); tiền vệ sinh (chi thu học kỳ I: 20.000đ/trẻ/tháng); tiền hỗ trợ trực trù cho CBGVNV (chi thu học kỳ II: 237.000đ/trẻ). Năm học 2023-2024, thực hiện thu các khoản: Tiền ăn bán trú (20.000đ/trẻ/ngày); tiền thuê nhân viên nấu ăn (85.000đ/trẻ/tháng); tiền hỗ trợ cán bộ, giáo viên trực trù (30.000đ/trẻ/tháng); tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng chăm sóc bán trú (năm đầu: 270.000đ/trẻ/năm; năm sau: 100.000đ/trẻ/năm); tiền vệ sinh (18.000đ/trẻ/tháng). Năm học 2024-2025, thực hiện thu các khoản: Tiền ăn bán trú (22.000đ/trẻ/ngày); tiền chăm sóc bán trú (140.000đ/trẻ/tháng); tiền mua sắm, bổ sung đồ dùng chăm sóc bán trú (năm đầu: 300.000đ/trẻ/năm; năm sau: 100.000đ/trẻ/năm); tiền vệ sinh (25.000đ/trẻ/tháng); tiền điện (15.000đ/trẻ/tháng); tiền nước (5.000đ/trẻ/tháng).



GDDT, nhà trường xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ năm học 2022-2023 (Kế hoạch số 40/KH-TrMN ngày 04/10/2022), được Phòng GDDT huyện Yên Mô phê duyệt tại Văn bản số 328/PGDDT ngày 02/11/2022; đã thành lập Ban tiếp nhận tài trợ, xây dựng Kế hoạch sử dụng tài trợ (Kế hoạch số 45/KH-TrMN ngày 14/10/2024), công khai kế hoạch sử dụng. Quy trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ được thực hiện theo quy định. Tổng số tiền huy động được là 64.950.000 đồng; được sử dụng để mua máy lọc nước, chắn cửa lớp nhà trẻ, cổng khu chợ quê, làm mái tôn, lắp khung che sân khu Liên Trì. Ngoài tiền mặt, nhà trường còn được ủng hộ, tài trợ bằng hiện vật (210 m bạt che nắng cho các lớp, 08 máy điều hoà nhiệt độ cho các nhóm, lớp). Nguồn ủng hộ, tài trợ được sử dụng đúng mục đích; được theo dõi đầy đủ, lưu tại sổ ghi tấm lòng vàng. Năm học 2023-2024 và 2024-2025, Trường không huy động vận động, tài trợ.

Tồn tại, nhược điểm: một số thiết bị, đồ dùng từ nguồn tài trợ chưa có biên bản bàn giao cho các lớp sử dụng (02 chắn cửa lớp nhà trẻ).

C. KẾT LUẬN CHUNG

I. Ưu điểm

Các năm học (trong thời kỳ thanh tra), nhà trường có tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường MN; các tổ chức, đoàn thể, các hội đồng trong nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khá tốt; 100% CBGVNV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên (trong đó 100% cán bộ quản lý và 97,8% giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn); Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp, phát huy được năng lực, sở trường của CBGVNV; bố trí trẻ học ở các nhóm, lớp đúng độ tuổi; số trẻ/nhóm, lớp cơ bản đảm bảo theo quy định.

Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai, thực hiện các nhiệm vụ đúng thẩm quyền, bao quát các nhiệm vụ, hoạt động trong nhà trường; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành về giáo dục, GDMN tới CBGVNV trong nhà trường và cha mẹ trẻ; thực hiện khá nghiêm túc các quy định về công khai; thực hiện công tác kiểm tra nội bộ theo hướng dẫn, quy trình khá đầy đủ.

Tiếp nhận, triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về quy chế chuyên môn, nội dung, phương pháp giáo dục. Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch NDCSGD trẻ từng năm học theo đúng hướng dẫn của Bộ, Sở GDDT, phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng, nhu cầu của trẻ; chỉ đạo, thực hiện đúng quy định chuyên môn, thực hiện đúng đủ nội dung giáo dục; vận dụng các phương pháp GDMN để tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định. Triển khai thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025. Trong thời kỳ thanh tra, có 95,6% trẻ ăn bán trú tại trường; 100% trẻ có đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng, được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Cuối các năm học tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi giảm; tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm so với đầu năm học. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN trong các năm học đạt 100%.

Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích và phòng chống bạo hành trẻ. Trẻ em trong nhà trường được đối xử công bằng, nhân ái; không bị bạo hành, xâm hại; môi trường không có các nguy cơ gây tai nạn thương tích và ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, sức khỏe trẻ.

Tích cực tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, huy động các nguồn lực để đảm bảo các điều kiện NDCSGD trẻ. Hiện tại cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học. Quản lý và sử dụng khá hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, đồ chơi tự làm; hồ sơ theo dõi, quản lý tài sản khá đầy đủ. Tổ chức lựa chọn, khai thác, sử dụng đồ chơi, học liệu cơ bản đảm bảo quy trình quy định.

Thực hiện mức thu học phí và các nguồn lực tài chính khác theo quy định; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, có đầy đủ hồ sơ sổ sách tài chính theo quy định.

II. Tồn tại, nhược điểm

Một số văn bản ban hành chưa đảm bảo thể thức, nội dung, tính pháp lý theo quy định; chất lượng một số văn bản còn hạn chế (kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho CBGVNV; kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi). Một số nội dung công khai trên trang thông tin điện tử chưa kịp thời. Một số cuộc kiểm tra chưa thực hiện theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra.

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú; chưa chú trọng việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong tổ. Giáo viên tham gia đánh giá trẻ cuối ngày một số nhóm/lớp còn chung chung, chưa cụ thể. Việc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời còn ít.

Một số hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường chưa đảm bảo theo quy định:

- Thiếu 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng đa năng, 01 văn phòng; thiếu 492 thiết bị, đồ dùng, học liệu. Điểm trường khu Trung Hoà thiếu 03 phòng NDCSGD; chưa đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu/trẻ và thiếu 01 kho bếp. Điểm trường trung tâm (khu Trinh Nữ) và khu Liên Trì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điểm trường khu Trung Hoà và khu Liên Trì chưa có nhà kho và khu thu gom rác thải độc lập.

- Một số hạng mục đã xuống cấp: nền nhà phòng họp CBGVNV bị phòng rộp; điểm trường khu Liên Trì tường nhà bếp, nhà vệ sinh của một số lớp thấm nước.

- Một số tiêu chí về an toàn trường học chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT: lan can, hiên chơi khu Liên Trì thiết kế các thanh ngang không an toàn cho trẻ (tiêu chí 16); chưa có thiết bị vệ sinh dành cho trẻ khuyết tật (tiêu chí 21).

Sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ nhà trường năm học 2022-2023, 2023-2024 sắp xếp thông tin chưa đầy đủ, khoa học; nội dung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công chưa chi tiết; còn thiết bị, đồ dùng từ nguồn tài trợ chưa có biên bản bàn giao cho các lớp sử dụng (02 chấn cửa lớp nhà trẻ). Một số chứng từ còn thiếu thủ tục hành chính; chứng từ thu, chi các năm sắp xếp chưa khoa học.

D. KIẾN NGHỊ, YÊU CẦU

1. Đối với Hiệu trưởng và Trường Mầm non Yên Hoà

1. Tiếp tục phát huy những ưu điểm, kết quả đã đạt được đồng thời rà soát, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra; xác định rõ trách nhiệm đối với từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, nhược điểm nêu trên.

2. Ban hành văn bản quản lý đảm bảo thể thức, nội dung, tính pháp lý theo quy định; thực hiện công tác kiểm tra nội bộ đảm bảo đủ quy trình; công khai trên trang

thông tin điện tử kịp thời, đúng quy định; công tác quản lý tài sản và tài chính đảm bảo theo quy định.

3. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch, việc thực hiện quy chế chuyên môn, nội dung, phương pháp giáo dục, đánh giá trẻ của giáo viên; bổ sung nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực ngoài trời.

4. Tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư kinh phí xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đảm bảo cho nhà trường; bố trí kinh phí mua sắm bổ sung các thiết bị, đồ dùng, học liệu còn thiếu; đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công 04 phòng học và sân chơi khu Liên Trì.

5. Tham mưu cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điểm trường trung tâm (khu Trinh Nữ) và điểm trường Liên Trì.

II. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Mô

1. Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra Trường MN Yên Hoà thực hiện kiến nghị tại Kết luận thanh tra.

2. Tăng cường giám sát, kiểm tra các trường MN trên địa bàn: về việc thực hiện quy chế chuyên môn, công khai trong lĩnh vực giáo dục, công tác quản lý tài sản và tài chính, công tác kiểm tra nội bộ, kế hoạch cải tiến chất lượng; việc thực hiện đảm bảo các quy định có liên quan đến công tác xây dựng trường học an toàn.

III. Đối với Ủy ban nhân dân xã Yên Hoà, huyện Yên Mô

Có kế hoạch đầu tư kinh phí xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đảm bảo cho nhà trường; đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ bàn giao các phòng học tại khu Liên Trì.

Tham mưu cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điểm trường trung tâm (khu Trinh Nữ) và điểm trường Liên Trì.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên ngành Trường MN Yên Hoà, huyện Yên Mô, yêu cầu Hiệu trưởng nhà trường thực hiện nghiêm yết, công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị theo quy định của pháp luật. /s/

Nơi nhận:

- Trường MN Yên Hoà, huyện Yên Mô;
- Giám đốc Sở GDĐT;
- Ông Đinh Văn Khâm, PGĐ Sở GDĐT;
- Phòng GDMN Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Hoà, huyện Yên Mô;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Đình Khoa